

Bản án số: 28/2022/HS-ST  
Ngày 29-3-2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Cường.

***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Phạm Văn Vượng.  
2. Ông Nguyễn Sơn Hải.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Trần Thị Minh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/HSST-QĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/HSST-QĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 đối với:

***1. Bị cáo:*** **TRẦN VĂN L** – Sinh ngày: 20-5-1989 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn X, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Cao Lan; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Trần Văn B – Sinh năm: 1954; Con bà: Nguyễn Thị D - Sinh năm: 1954; Vợ: Dương Thị T – Sinh năm: 1990 (Đã ly hôn); Con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo Trần Văn L đang bị tạm giam theo Quyết định tạm giam số: 21a/2022/HSST-QĐTG ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

***2. Bị cáo:*** **TRẦN VĂN V** – Sinh ngày: 01-12-2000 tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã N, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Cao Lan; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Không xác định được bố đẻ; Con bà: Trần Thị H - Sinh năm: 1976; Vợ, con: Không.

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo Trần Văn V đang bị tạm giam theo Quyết định tạm giam số: 21b/2022/HSST-QĐTG ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

3. Bị cáo: **LÝ VĂN T** – Sinh ngày: 09-9-1981 tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn A, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 04/12; Dân tộc: Cao Lan; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Lý Quang T1 – Sinh năm: 1963; Con bà: Lý Thị T2 – Sinh năm: 1962; Vợ: Nguyễn Thị T3 – Sinh năm: 1982; Con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo Lý Văn T đang tại ngoại theo Quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn: 04/2022/HSST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn L:* Bà **Nguyễn Thị Nguyệt** – Sinh năm: 1983; Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn V:* Ông **Phạm Thế N1** – Sinh năm: 1991; Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

*Bị hại:* Ông **Phạm Văn H1** – Sinh năm: 1976; Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Anh **Lê Xuân K** – Sinh năm: 1994; Địa chỉ: Thôn C1, xã S1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Ông **Đinh Công H2** – Sinh năm: 1967; Địa chỉ: Thôn H3, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

*Người làm chứng:*

- Anh **Trần Văn K1** – Sinh năm: 1988; Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Ông **Trần Văn B1** – Sinh năm: 1954; Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Bà **Sầm Thị C2** – Sinh năm: 1959; Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12-10-2021, bị cáo Trần Văn L và bị cáo Trần Văn V cùng nhau đi hái măng và tìm cây gỗ trên núi thuộc thôn X, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Khoảng 17 giờ cùng ngày, bị cáo L và bị cáo V đi đến khu vực núi thuộc thôn C, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang phát hiện 01 đàn dê có 11 con (07 con dê cái; 04 con dê đực, có màu lông khác nhau) của ông Phạm Văn H1 đã thả để cho dê tự kiếm ăn. Thấy không có người trông coi, nên bị cáo L nảy sinh ý định trộm cắp đàn dê để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Bị cáo L rủ bị cáo V bắt trộm dê, bị cáo V đồng ý. Bị cáo L dắt con dê đầu đàn đi trước, bị cáo V lừa đàn dê theo sau. Khoảng 21 giờ cùng ngày, bị cáo L và bị cáo V lừa đàn dê đến khu vực đập cây gạo thuộc xã Chi Thiết, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Bị cáo L dùng điện thoại di động có số thuê bao 0978.246.282 gọi đến số thuê bao 0388.804.104 của bị cáo Lý Văn T (bị cáo L đã lưu số điện thoại của Bị cáo T từ trước). Bị cáo L nói: *“Anh có mua dê không? Em vừa bắt được đàn dê, anh lên em để lại cho”*; Bị cáo T hiểu là bị cáo L vừa bắt trộm được đàn dê muốn bán nên Bị cáo T hỏi: *“Ở đâu?”*; bị cáo L nói: *“Ở đập cây gạo xã Chi Thiết”*; Bị cáo T đồng ý. Do không biết đường đi đến khu vực bị cáo L hẹn, nên Bị cáo T nhờ anh Trần Văn K1 là người quen ở cùng thôn đi cùng để chỉ đường. Sau đó, Bị cáo T điều khiển xe ô tô tải nhãn hiệu KENBO, màu sơn xanh, BKS 22C-079.13 của mình đi cùng anh Trần Văn K1 (Anh Trần Văn K1 không biết việc Bị cáo T đi mua dê trộm cắp). Khoảng 23 giờ cùng ngày, khi đi đến gần đập cây gạo thuộc xã Chi Thiết giáp với thôn X, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, Bị cáo T gọi điện thoại cho bị cáo L đến dẫn đường, anh Trần Văn K1 xuống xe đi bộ đến nhà bố vợ là ông Trần Văn T3 ở gần đó để chơi. Khi đến địa điểm bị cáo V đang trông đàn dê, Bị cáo T và bị cáo L thống nhất mua bán 11 con dê với giá 8.500.000đ (không cân trọng lượng). Bị cáo T và bị cáo L bắt 11 con dê lên thùng xe của Bị cáo T, bị cáo V đứng trông đàn dê. Sau khi cho toàn bộ số dê lên thùng, do sợ bị phát hiện việc mua bán tài sản trộm cắp nên Bị cáo T bảo bị cáo L đi cùng đến xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang thì trả tiền, bị cáo L đồng ý, còn bị cáo V tự đi bộ về nhà. Trên đường đi, Bị cáo T hỏi bị cáo L: *“Bắt trộm dê ở đâu?”*; bị cáo L nói: *“Ở trên đồi Cao Ngồi, xã Đ, cách xa đây lắm không sợ đâu”*. Khi đi đến chân đập cây gạo, Bị cáo T đón anh Trần Văn K1 lên xe đi về cùng. Khi đến xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo L và Bị cáo T xuống xe, Bị cáo T trả 8.500.000đ cho bị cáo L. Sau đó, Bị cáo T đưa anh Trần Văn K1 về nhà anh Kiểm. Sau khi về đến nhà, bị cáo L đưa cho bị cáo V 3.000.000đ tiền bán 11 con dê, nhưng bị cáo L hỏi vay bị cáo V 1.000.000đ, bị cáo V đồng ý. Bị cáo L đưa bị cáo V 2.000.000đ. Số tiền có được từ việc trộm cắp tài sản, bị cáo L đã chi tiêu hết 2.000.000đ và cất giấu 4.500.000đ trong tủ quần áo ở nhà ông Trần Văn B1; bị cáo V cất giấu 2.000.000đ trong túi quần dài của bị cáo V để ở nhà bà Sầm Thị C2.

Khoảng 00 giờ ngày 13-10-2021, Bị cáo T chở số dê trên về đến nhà thì gặp một người đàn ông không quen biết hỏi mua dê. Bị cáo T đồng ý bán 11 con dê với giá 12.000.000đ (không cân trọng lượng). Người đàn ông lạ mặt trả tiền cho

Bị cáo T và chuyển 11 con dê sang xe ô tô của người đàn ông lạ mặt kia. Sáng ngày 13-10-2021, Bị cáo T đi đến xã Lăng Công, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc bán lợn thì gặp lại người đàn ông lạ mặt đã mua 11 con dê của Bị cáo T. Người đàn ông hỏi Bị cáo T: “*Có mua lại dê không?*”; Bị cáo T trả lời: “*Có*”. Người đàn ông lạ mặt dẫn Bị cáo T đến nhà một người phụ nữ không quen biết ở xã Lăng Công, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc để mua bán. Người phụ nữ nói bán lại đàn dê có 11 con với giá 20.000.000đ. Do Bị cáo T không mang đủ tiền nên đã gọi điện thoại cho anh Lê Xuân K là người cùng làm nghề mua bán dê đến mua đàn dê. Anh Lê Xuân K đi xe mô tô theo chỉ dẫn của Bị cáo T đến xem thấy có 11 con dê. Anh Lê Xuân K không biết số dê này do Bị cáo T đã mua lại từ việc trộm cắp và bán lại cho người đàn ông lạ mặt. Anh Lê Xuân K nói với Bị cáo T: “*20.000.000đ thì em mua được*”. Bị cáo T trao đổi mua bán dê với người phụ nữ và hai bên đồng ý thống nhất mua bán 11 con dê với giá 19.500.000đ. Anh Lê Xuân K thực hiện chuyển khoản số tiền 20.000.000đ cho Bị cáo T. Sau đó, anh Lê Xuân K mượn xe ô tô của Bị cáo T chở 11 con dê về nhà thả vào chuồng. Bị cáo T đi rút tiền tại cây ATM rồi trả cho người phụ nữ lạ mặt 19.500.000đ, rồi đi xe mô tô của anh Lê Xuân K về nhà.

Sáng ngày 15-10-2021, anh Lê Xuân K bán đàn dê trên cho ông Đinh Công H2 với giá 25.800.000đ. Sau đó, anh Lê Xuân K chở đàn dê đến nhà cho ông H2, ông H2 phát trực tiếp trên mạng xã hội Facebook qua điện thoại di động cá nhân để bán. Ông Phạm Văn H1 nhận ra đàn dê bị mất của mình nên đã trình báo Cơ quan Công an đến giải quyết.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 89/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 16-10-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang kết luận: 11 con dê có tổng trọng lượng 238kg, trị giá 30.940.000đ (Ba mươi triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tại cáo trạng số: 09/CT-VKS ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Văn L và bị cáo Trần Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Quyết định truy tố đối với bị cáo Lý Văn T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang thực hành quyền công tố, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Văn L, bị cáo Trần Văn V, bị cáo Lý Văn T. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của các bị cáo cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đề nghị với HĐXX:

**Về tội danh:** Tuyên bị cáo Trần Văn L và bị cáo Trần Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuyên bị cáo Lý Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

**Về hình phạt:** Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn L từ 01 (một) năm 09 (chín) tháng đến 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 16-10-2021.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn V từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 16-10-2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lý Văn T từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án (ngày 29-3-2022).

Giao bị cáo Lý Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Phú Lương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

**Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại ông Phạm Văn H1; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lê Văn Kiểm và ông Đinh Công H2 không yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết.

**Về vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 6.500.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Số tiền này hiện đang tạm gửi tại Kho bạc nhà nước huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

**Về án phí và quyền kháng cáo:** Theo quy định của pháp luật.

**Phản tranh luận tại phiên tòa:**

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn L là bà Nguyễn Thị Nguyệt có quan điểm nhất trí quan điểm truy tố và xét xử đối với bị cáo Trần Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo Trần Văn L chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn L với mức khởi điểm của khung hình phạt Kiểm sát viên đề nghị. Nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên về vật chứng và án phí.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn V là ông Phạm Thế N1 có quan điểm nhất trí quan điểm truy tố và xét xử đối với bị cáo Trần Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo Trần Văn V chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn V với mức khởi điểm của

khung hình phạt Kiểm sát viên đề nghị. Nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên về vật chứng và án phí.

Bị cáo Trần Văn L và bị cáo Trần Văn V nhất trí với quan điểm của Người bào chữa cho bị cáo và quan điểm của Kiểm sát viên.

Bị cáo Lý Văn T nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên.

**Quyền của bị cáo được nói lời sau cùng:**

- Bị cáo Trần Văn V đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Trần Văn L đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Lý Văn T đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về trách nhiệm hình sự:** Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo khai phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 12-10-2021, tại thôn Cao Ngỗi, xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo Trần Văn L và bị cáo Trần Văn V đã có hành vi trộm cắp 11 con dê có tổng trọng lượng 238kg, trị giá 30.940.000đ của ông Phạm Văn H1. Bị cáo Trần Văn L và bị cáo Trần Văn V bán 11 con dê trộm cắp được cho bị cáo Lý Văn T để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo Lý Văn T biết rõ đàn dê 11 con là do bị cáo Trần Văn L và bị cáo Trần Văn V trộm cắp được mà có, nhưng vì hám lợi nên bị cáo Trần Văn Thành đã mua lại đàn dê 11 con nói trên của bị cáo L và bị cáo V với giá 8.500.000đ, mục đích để bán lại kiếm lời.

Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Trần Văn L; bị cáo Trần Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và bị cáo Lý Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

**[2] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

- Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn V và bị cáo Trần Văn L thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo do vậy các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Lý Văn T thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

bị cáo đã bồi thường thiệt hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

**[3] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

**[4] Về hình phạt bổ sung:** HĐXX xét thấy các bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản cá nhân có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

**[5] Tính chất và mức độ của hành vi phạm tội:** Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp và gián tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hộ gia đình, làm mất trật tự an ninh xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân tại địa phương nói riêng và xã hội nói chung. Hội đồng xét xử thấy rằng cần lên một mức án nghiêm minh, phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả mà các bị cáo đã gây ra để các bị cáo có điều kiện tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân có ích cho xã hội, góp phần đảm bảo an ninh trật tự cũng như phòng ngừa tội phạm trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

Hội đồng xét xử thấy rằng trong vụ án có vai trò đồng phạm giản đơn tham gia, do vậy cần đánh giá vai trò của từng bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Trần Văn L là người chủ mưu khởi sự và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Trần Văn V với vai trò đồng phạm giúp sức tích cực trong vụ án, trực tiếp thực hiện phạm tội. Do vậy, mức án của bị cáo L cao hơn bị cáo V.

Các bị cáo Trần Văn L và bị cáo Trần Văn V có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét về tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi bị cáo đã gây ra. HĐXX xét thấy, đề nghị của Người bào chữa cho các bị cáo có căn cứ và phù hợp với khung hình phạt Viện kiểm sát đề nghị. Do vậy, HĐXX chấp nhận quan điểm của Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị xử phạt các bị cáo với mức khởi điểm của khung hình phạt Kiểm sát viên đề nghị.

Bị cáo Lý Văn T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, địa chỉ cư trú rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, HĐXX nhận thấy không cần dùng biện pháp cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo theo khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự và Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo” là phù hợp và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

**[6] Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại ông Phạm Văn H1 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Lý Văn T đã tự nguyện bồi thường cho anh Lê Văn Kiêm số tiền 20.000.000đ. Anh Lê Văn Kiêm đã tự nguyện bồi thường cho ông Đinh Công

H2 số tiền 25.400.000đ. Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu gì thêm về phân trách nhiệm dân sự nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

**[7] Về vật chứng:** Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã tạm giữ 11 con dê (07 con dê cái; 04 con dê đực, có màu lông khác nhau); Số tiền 6.500.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Trong đó: Ông Trần Văn B1 giao nộp 4.500.000đ; bà Sầm Thị C2 giao nộp 2.000.000đ).

Đối với 11 con dê (07 con dê cái; 04 con dê đực, có màu lông khác nhau). Quá trình điều tra, xác định được ông Phạm Văn H1 là chủ sở hữu hợp pháp của 11 con dê. Ngày 16-10-2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã trả lại 11 con dê nói trên cho ông Phạm Văn H1 quản lý. Ông Phạm Văn H1 không có ý kiến gì đối với vật chứng đã nhận lại nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Đối với 6.500.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn V và bị cáo Trần Văn L đều thừa nhận số tiền nói trên là số tiền bán tài sản trộm cắp được mà có. Các bị cáo không có ý kiến gì đối với số tiền đã giao nộp. HĐXX xét thấy, số tiền 4.500.000đ do bị cáo Trần Văn L nhờ ông Trần Văn B1 giao nộp và số tiền 2.000.000đ do bị cáo Trần Văn V nhờ bà Sầm Thị C2 giao nộp là số tiền các bị cáo bán tài sản trộm cắp được mà có. Do vậy, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền trên.

**[8] Về án phí:** Buộc bị cáo Trần Văn L, bị cáo Trần Văn V, bị cáo Lý Văn T mỗi người phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21; khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 “quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

**[9] Quyền kháng cáo:** Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

**[10] Về hành vi tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, áp dụng biện pháp bắt tạm giam với bị can, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

**[11] Các vấn đề khác:**

- Đối với anh Lê Xuân K, ông Đinh Công H2 đã mua số dê trên nhưng không biết là tài sản do trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý.



- Đối với người đàn ông mua dê của bị cáo Lý Văn T và người phụ nữ lạ mặt tại xã Lăng Công, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Do không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ xử lý.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Về tội danh và hình phạt:**

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Văn L và bị cáo Trần Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn L **01 (một)** năm **09 (chín)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 16-10-2021.

Xử phạt bị cáo Trần Văn V **01 (một)** năm **03 (ba)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 16-10-2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lý Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Xử phạt bị cáo Lý Văn T **01 (một)** năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **02 (hai)** năm, tính từ ngày tuyên án (ngày 29-3-2022).

Giao bị cáo Lý Văn T về Ủy ban nhân dân xã Phú Lương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**Về vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

*Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:*

Số tiền 6.500.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Số tiền trên đã được Kho bạc Nhà nước huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang chuyển từ tài khoản số 3591.0.9047103.00000 (tài khoản tạm gửi của Công an huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang) đến tài khoản số 3949.0.1064844.00000 (tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang).

(Theo Công văn số: 95/CV-CQCSĐT ngày 25-01-2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang).

**Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21; khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016

“quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

- Buộc bị cáo Trần Văn L phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Trần Văn V phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Lý Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 29-3-2022).

Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Công an huyện Sơn Dương;
- Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- Sở tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- Lưu hs, hstha, vp.

**T-M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

**Nguyễn Việt Cường**